**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP HUYỆN**

**ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG, BAN**

 *(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

| **STT** | **Tên biểu** | **Ký hiệu biểu** | **Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện** | **Kỳ báo cáo** | **Ngày nhận báo cáo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **E** | **G** |
|  | Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin | 007.N/H0311-PYT, TTYT | Phòng Y tế/Trung tâm y tế  | Năm  | Ngày 15 tháng 02 năm sau năm báo cáo |

**BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI PHÒNG, BAN, NGÀNH**

 *(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023*

*của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 007.N/H0311-PYT, TTYT\***Ban hành kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Thanh HóaNgày nhận báo cáo: Ngày 15 tháng 02 năm sau năm báo cáo  | **TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI 01 TUỔI ĐƯỢC TIÊM CHỦNG ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI VẮC XIN** Năm …… | Đơn vị báo cáo: Phòng Y tế/Trung tâm Y tế …...................................Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Thống kê …............... |

|  | Mã số | Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi (trẻ em) | Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (trẻ em) | Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (%) |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A | B | 1 | 2 | 3 = (2:1)x100 |
| **Tổng số** | **01** |  |  |  |
| *Chia theo xã/phường/thị trấn* |  |  |  |  |
| * Phường …..
 | 02 |  |  |  |
| - Thị trấn ….. | 03 |  |  |  |
| - Xã ….. | 04 |  |  |  |
| - ….. |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

*Ghi chú: (\*) Căn cứ tình hình thực tế tại huyện, thị xã, thành phố để quy định đơn vị báo cáo phù hợp.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu***(Ký, họ tên)* | **Người kiểm tra biểu***(Ký, họ tên)* | *Ngày … tháng … năm …***Thủ trưởng đơn vị***(Ký, đóng dấu, họ tên)* |

**BIỂU SỐ: 007.N/H0311-PYT, TTYT: TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI 01 TUỔI ĐƯỢC TIÊM CHỦNG ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI VẮC XIN**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin là tỷ lệ phần trăm giữa số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định của Bộ Y tế so với tổng số trẻ em dưới 01 tuổi trong cùng kỳ báo cáo.

Công thức tính:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (%) | == | Số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định của Bộ Y tế trong kỳ báo cáo |  × 100 |
| Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi trong cùng kỳ báo cáo |

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi tổng số trẻ em dưới 01 tuổi chia theo xã/phường/thị trấn theo danh mục hành chính hiện hành của Tổng cục Thống kê.

Cột 2: Ghi tổng số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin chia theo xã/phường/thị trấn theo danh mục hành chính hiện hành của Tổng cục Thống kê.

Cột 3: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin chia theo xã/phường/thị trấn theo danh mục hành chính hiện hành của Tổng cục Thống kê.

**3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Toàn huyện/thị xã/thành phố. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo

**4. Nguồn số liệu**

Phòng Y tế/Trung tâm Y tế.